

Phụ lục III
DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN

(Kèm theo Thông báo số /TB-ĐHCNKT ngày tháng năm 2026
của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	Ngành	Danh mục ngành phù hợp ¹	Danh mục ngành gần, khác ²	Môn học bổ sung kiến thức
1	Giáo dục học	Thí sinh tốt nghiệp tất cả các ngành trong Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.		
2	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn	<i>a. Nhóm ngành sư phạm</i> - Sư phạm Công nghệ. - Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp. - Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp. - Sư phạm Khoa học tự nhiên. - Sư phạm Toán. - Sư phạm Sinh học. - Sư phạm Vật lý. - Sư phạm Hóa học. - Sư phạm Tin học. <i>b. Nhóm ngành Công nghệ kỹ thuật trình độ đại học tốt nghiệp từ Trường ĐHCNKT TPHCM.</i> <i>c. Nhóm ngành khác</i> Ngành có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác với ngành Sư phạm công nghệ dưới 10% tổng số tín chỉ của khối kiến thức chuyên ngành.	Nhóm ngành Khoa học giáo dục và Đào tạo giáo viên hoặc ngành có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác với ngành Sư phạm công nghệ từ 10% đến 40% tổng số tín chỉ của khối kiến thức ngành.	1-Giáo dục STEM (3TC). 2-Nhập môn ngành Sư phạm công nghệ (3TC).
			Nhóm ngành còn lại.	1-Tâm lý học (3TC). 2-Giáo dục học (3TC). 3-Giáo dục STEM (3TC). 4-Nhập môn ngành Sư phạm công nghệ (3TC).

TT	Ngành	Danh mục ngành phù hợp ¹	Danh mục ngành gần, khác ²	Môn học bổ sung kiến thức
3	Quản lý kinh tế	- Kinh tế học. - Kinh doanh. - Quản trị - quản lý.	- Tài chính - ngân hàng. - Kế toán - kiểm toán.	Học 02 trong các môn sau: 1-Quản trị marketing (3TC). 2-Quản trị học (3TC). 3-Tài chính doanh nghiệp (3TC). 4-Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (3TC).
			Các ngành không thuộc khối ngành kinh tế.	Học 04 trong các môn sau: 1-Quản trị marketing (3TC). 2-Quản trị học (3TC). 3-Kinh tế học đại cương (3TC). 4-Nguyên lý kế toán (3TC). 5-Lý thuyết tài chính tiền tệ (3TC). 6-Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (3TC). 7-Tài chính doanh nghiệp (3TC). 8-Quản trị chiến lược (3TC).
4	Kỹ thuật cơ khí động lực	- Công nghệ kỹ thuật ô tô. - Kỹ thuật ô tô. - Kỹ thuật cơ khí động lực.	- Công nghệ kỹ thuật cơ khí. - Công nghệ chế tạo máy. - Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử. - Công nghệ kỹ thuật nhiệt. - Công nghệ kỹ thuật tàu thủy. - Bảo dưỡng công nghiệp. - Kỹ thuật cơ khí. - Kỹ thuật cơ điện tử. - Kỹ thuật nhiệt. - Kỹ thuật công nghiệp. - Kỹ thuật hệ thống công nghiệp. - Kỹ thuật hàng không. - Kỹ thuật tàu thủy.	1-Nguyên lý động cơ đốt trong (3TC). 2-Lý thuyết ô tô (3TC). 3-Hệ thống điện - điện tử ô tô (3TC).

TT	Ngành	Danh mục ngành phù hợp ¹	Danh mục ngành gần, khác ²	Môn học bổ sung kiến thức
			Các ngành còn lại trong nhóm ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí.	1-Kỹ thuật điện điện tử (3TC). 2-Sức bền vật liệu (3TC). 3-Cơ lý thuyết (3TC). 4-Nguyên lý động cơ đốt trong (3TC). 5-Lý thuyết ô tô (3TC). 6-Hệ thống điện - điện tử ô tô (3TC).
5	Kỹ thuật nhiệt	- Công nghệ kỹ thuật nhiệt. - Kỹ thuật nhiệt.	- Công nghệ kỹ thuật môi trường. - Kỹ thuật môi trường. - Công nghệ kỹ thuật hạt nhân. - Kỹ thuật hạt nhân. - Công nghệ thực phẩm. - Công nghệ chế biến thủy sản. - Công nghệ Kỹ thuật ô tô. - Kỹ thuật ô tô. - Kỹ thuật cơ khí động lực. - Công nghệ kỹ thuật cơ khí. - Kỹ thuật cơ khí. - Công nghệ chế tạo máy. - Năng lượng tái tạo. - Công nghệ kỹ thuật năng lượng tái tạo.	1-Lò hơi (3TC). 2-Nhà máy nhiệt điện (3TC). 3-Máy nén và thiết bị lạnh (3TC).
			Các ngành còn lại trong nhóm Công nghệ kỹ thuật (mã nhóm ngành 751) và Kỹ thuật (mã nhóm ngành 752).	1-Lò hơi (3TC). 2-Nhà máy nhiệt điện (3TC). 3-Máy nén và thiết bị lạnh (3TC). 4-Kỹ thuật lạnh (3TC). 5-Điều hòa không khí (3TC).
6	Kỹ thuật cơ khí	- Công nghệ kỹ thuật cơ khí. - Công nghệ chế tạo máy. - Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử. - Kỹ thuật cơ khí.	- Kỹ thuật công nghiệp. - Robot và trí tuệ nhân tạo. - Kỹ nghệ gỗ và nội thất. - Kỹ thuật cơ khí động lực.	1-Nguyên lý - chi tiết máy (4TC). 2-Cơ sở công nghệ chế tạo máy (3TC). 3-Công nghệ thủy lực và khí nén (3TC).

TT	Ngành	Danh mục ngành phù hợp ¹	Danh mục ngành gần, khác ²	Môn học bổ sung kiến thức
		- Kỹ thuật cơ điện tử.	Các ngành tốt nghiệp đại học không cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo Việt Nam cấp III.	Do Hội đồng khoa học Khoa quyết định trên cơ sở từng trường hợp cụ thể.
7	Kỹ thuật cơ điện tử	- Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử. - Kỹ thuật cơ điện tử.	<i>a. Nhóm ngành Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật (không phải Cơ điện tử):</i> - Kỹ thuật cơ khí. - Kỹ thuật nhiệt. - Kỹ thuật cơ khí động lực. - Kỹ thuật công nghiệp. - Kỹ thuật hệ thống công nghiệp. - Kỹ thuật ô tô. - Kỹ thuật in. - Kỹ thuật hàng không. - Robot và AI. <i>b. Nhóm ngành Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông (không phải Cơ điện tử):</i> - Kỹ thuật điện. - Kỹ thuật điện tử. - Kỹ thuật radar - dẫn đường. - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa. - Kỹ thuật viễn thông. Ngành tốt nghiệp đại học không cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo Việt Nam cấp III.	1-Điều khiển tự động (3TC). 2-Nguyên lý - Chi tiết máy (3TC).
8	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	- Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa. - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa.	- Kỹ thuật điện. - Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử. - Kỹ thuật điện tử - viễn thông.	1-Hệ thống điều khiển tự động (3TC). 2-Kỹ thuật robot (3TC).

TT	Ngành	Danh mục ngành phù hợp ¹	Danh mục ngành gần, khác ²	Môn học bổ sung kiến thức
			- Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông. - Kỹ thuật y sinh.	
			- Công nghệ kỹ thuật cơ khí. - Robot và trí tuệ nhân tạo. - Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử.	1-Hệ thống điều khiển tự động (3TC). 2-Kỹ thuật robot (3TC). 3-Hệ thống điều khiển nâng cao (3TC).
9	Kỹ thuật điện	- Công nghệ kỹ thuật điện tử. - Kỹ thuật điện tử.	- Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa. - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa.	1-Cung cấp điện (4TC).
			- Công nghệ kỹ thuật điện - viễn thông. - Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử. - Kỹ thuật cơ điện tử. - Kỹ thuật điện - viễn thông. - Kỹ thuật y sinh (Điện tử y sinh). - Hệ thống nhúng và IoT.	1-Cung cấp điện (4TC). 2-Truyền động điện tự động (4TC).
10	Kỹ thuật điện tử	- Kỹ thuật điện. - Kỹ thuật rada - dẫn đường. - Kỹ thuật điện tử viễn thông. - Kỹ thuật y sinh. - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa. - Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử. - Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông. - Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa. - Công nghệ kỹ thuật máy tính.	- Kỹ thuật cơ điện tử. - Kỹ thuật nhiệt. - Kỹ thuật cơ khí động lực. - Kỹ thuật ô tô. - Kỹ thuật hạt nhân. - Vật lý kỹ thuật. - Kỹ thuật hàng không. - Kỹ thuật máy tính.	1-Xử lý tín hiệu số (3TC).
			- Cơ kỹ thuật. - Kỹ thuật cơ khí. - Kỹ thuật công nghiệp. - Kỹ thuật hệ thống công nghiệp.	1-Xử lý tín hiệu số (3TC). 2-Điện tử cơ bản (4TC). 3-Điện tử công suất (3TC). 4-Kỹ thuật số (3TC).

TT	Ngành	Danh mục ngành phù hợp ¹	Danh mục ngành gần, khác ²	Môn học bổ sung kiến thức
			- Kỹ thuật in. - Kỹ thuật vật liệu.	
11	Kỹ thuật viễn thông	- Kỹ thuật điện tử - viễn thông. - Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông.	- Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu. - Công nghệ kỹ thuật máy tính. - Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử. - Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa. - Kỹ thuật điện. - Kỹ thuật radar - dẫn đường. - Kỹ thuật thủy âm. - Kỹ thuật biển. - Kỹ thuật y sinh. - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa. - Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử. - Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa.	1-Tín hiệu và hệ thống (3TC). 2-Kỹ thuật truyền số liệu (3TC). 3-Xử lý tín hiệu số (3TC).
12	Kỹ thuật xây dựng	- Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng. - Công nghệ kỹ thuật xây dựng. - Kỹ thuật xây dựng.	- Công nghệ kỹ thuật giao thông. - Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông. - Quản lý xây dựng. - Kỹ thuật xây dựng công trình thủy. - Kỹ thuật xây dựng công trình biển. - Kỹ thuật cơ sở hạ tầng. - Địa kỹ thuật xây dựng. - Kỹ thuật tài nguyên nước. - Kỹ thuật cấp thoát nước. - Công nghệ kỹ thuật kiến trúc.	1-Kết cấu công trình bê tông cốt thép (2TC). - Tùy thuộc bảng điểm, học 1 đến 4 môn: 1-Kết cấu bê tông cốt thép (4TC). 2-Kết cấu công trình bê tông cốt thép (2TC). 3-Cơ học đất (4TC). 4-Nền móng (3TC).

TT	Ngành	Danh mục ngành phù hợp ¹	Danh mục ngành gần, khác ²	Môn học bổ sung kiến thức
			- Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng. - Cơ kỹ thuật. - Kỹ thuật địa chất. - Kinh tế xây dựng. - Hệ thống kỹ thuật công trình xây dựng. - Quản lý và vận hành hạ tầng.	
13	Khoa học máy tính	- Khoa học máy tính. - Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu. - Kỹ thuật phần mềm. - Hệ thống thông tin. - Kỹ thuật máy tính. - Công nghệ kỹ thuật máy tính. - Công nghệ thông tin. - An toàn thông tin. - Kỹ thuật dữ liệu. - Sự phạm tin học. - Trí tuệ nhân tạo.	- Toán - tin. - Toán tin ứng dụng. - Hệ thống thông tin quản lý. - Tin học công nghiệp. - Vật lý - tin học. - Sự phạm Kỹ thuật tin. - Khoa học dữ liệu.	1-Mạng máy tính (3TC).
			- Điện tử viễn thông. - Cơ điện tử. - Điều khiển tự động. - Công nghệ truyền thông. - Kỹ thuật điện tử - viễn thông. - Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá. - Toán ứng dụng. - Khoa học tính toán. - Thống kê. - Kỹ thuật y sinh. - Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử. - Công nghệ kỹ thuật điện tử - Viễn thông.	1-Toán rời rạc và lý thuyết đồ thị (3TC). 2-Cơ sở dữ liệu (3TC). 3-Mạng máy tính căn bản (3TC).

TT	Ngành	Danh mục ngành phù hợp ¹	Danh mục ngành gần, khác ²	Môn học bổ sung kiến thức
			- Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa. - Thương mại điện tử.	
			- Các ngành khác	1-Toán rời rạc và thuyết đồ thị (3TC). 2-Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (3TC). 3-Cơ sở dữ liệu (3TC). 4-Hệ điều hành (3TC). 5-Mạng máy tính căn bản (3TC). 6-Lập trình hướng đối tượng (3TC).
14	Công nghệ thực phẩm	- Công nghệ thực phẩm.	- Công nghệ sau thu hoạch. - Công nghệ chế biến thủy sản. - Công nghệ sinh học. - Sinh học. - Kinh tế gia đình. - Kỹ thuật thực phẩm. - Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm.	1-Các quá trình cơ bản trong CNTP (2TC); 2-Đánh giá cảm quan thực phẩm (2TC). 3-Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm (3TC); 4-Phụ gia thực phẩm (2TC).
			- Công nghệ kỹ thuật hóa học.	1-Các quá trình cơ bản trong CNTP (2TC). 2-Hóa học thực phẩm (2TC). 3-Vi sinh thực phẩm (2TC). 4-Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm (3TC). 5- Đánh giá cảm quan thực phẩm (2TC). 6-Phụ gia thực phẩm (2TC).

TT	Ngành	Danh mục ngành phù hợp ¹	Danh mục ngành gần, khác ²	Môn học bổ sung kiến thức
15	Kỹ thuật môi trường	- Kỹ thuật môi trường. - Công nghệ kỹ thuật môi trường.	- Công nghệ kỹ thuật hóa học. - Kỹ thuật hóa học. - Công nghệ kỹ thuật xây dựng. - Kỹ thuật xây dựng. - Quản lý tài nguyên và môi trường. - Kỹ thuật cấp thoát nước. - Khoa học môi trường. - Bảo hộ lao động. - Quản lý công nghiệp. - Công nghệ sinh học.	Học 03 trong các môn sau: 1-Hóa kỹ thuật môi trường (3TC). 2-Kỹ thuật xử lý nước thải (3TC). 3-Kỹ thuật xử lý khí thải (3TC). 4-Vi sinh vật kỹ thuật môi trường (3TC). 5-Quản lý và kỹ thuật xử lý chất thải rắn (3TC).
16	Kỹ thuật hóa học	- Kỹ thuật hóa học. - Công nghệ kỹ thuật hóa học.	- Hóa học. - Sư phạm hóa học. - Công nghệ vật liệu. - Kỹ thuật vật liệu. - Công nghệ kỹ thuật môi trường. - Kỹ thuật môi trường. - Công nghệ thực phẩm. - Kỹ thuật thực phẩm. - Công nghệ sau thu hoạch. - Công nghệ chế biến thủy sản. - Công nghệ sinh học.	1-Quá trình thiết bị truyền nhiệt (3TC). 2-Quá trình thiết bị truyền khối (3TC). 3-Kỹ thuật phản ứng (2TC).
17	Quản lý xây dựng	- Công nghệ kỹ thuật kiến trúc - Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng. - Công nghệ kỹ thuật xây dựng. - Công nghệ kỹ thuật giao thông. - Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng. - Kỹ thuật xây dựng. - Kỹ thuật xây dựng công trình thủy.	- Kiến trúc. - Kiến trúc cảnh quan. - Kiến trúc nội thất. - Kiến trúc đô thị. - Quy hoạch vùng và đô thị. - Thiết kế nội thất. - Bảo tồn di sản kiến trúc - Đô thị.	1-Kinh tế xây dựng (2TC). 2-Dự toán và định giá xây dựng (2TC).

TT	Ngành	Danh mục ngành phù hợp ¹	Danh mục ngành gần, khác ²	Môn học bổ sung kiến thức
		- Kỹ thuật xây dựng công trình biển. - Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông. - Kỹ thuật cơ sở hạ tầng. - Địa kỹ thuật xây dựng. - Kỹ thuật tài nguyên nước. - Kỹ thuật cấp thoát nước. - Kinh tế xây dựng. - Quản lý đô thị và công trình. - Hệ thống kỹ thuật công trình xây dựng. - Quản lý và vận hành hạ tầng.	- Đô thị học. - Quản lý công nghiệp.	
			- Quản lý công nghiệp. - Kỹ thuật cơ khí. - Kỹ thuật cơ điện tử. - Kỹ thuật nhiệt. - Kỹ thuật công nghiệp. - Kỹ thuật hệ thống công nghiệp.	1-Kết cấu bê tông cốt thép (4 TC). 2-Nền móng (3TC). 3-Kinh tế xây dựng (2TC). 4-Dự toán và định giá xây dựng (2TC).
18	Kỹ thuật y sinh	Kỹ thuật y sinh.	- Kỹ thuật điện. - Kỹ thuật điện tử - viễn thông. - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa. - Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử. - Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông. - Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa. - Công nghệ kỹ thuật máy tính. - Kỹ thuật cơ điện tử. - Kỹ thuật nhiệt. - Kỹ thuật cơ khí động lực. - Kỹ thuật ô tô. - Kỹ thuật hạt nhân. - Vật lý kỹ thuật. - Kỹ thuật hàng không. - Kỹ thuật máy tính. - Trí tuệ nhân tạo.	1-Xử lý tín hiệu y sinh (3 TC).

TT	Ngành	Danh mục ngành phù hợp ¹	Danh mục ngành gần, khác ²	Môn học bổ sung kiến thức
			- Cơ kỹ thuật. - Kỹ thuật công nghiệp. - Kỹ thuật hệ thống công nghiệp. - Kỹ thuật in. - Kỹ thuật vật liệu. - Công nghệ vật liệu. - Công nghệ sinh học.	1-Xử lý tín hiệu y sinh (3 TC). 2-Điện tử cơ bản (3 TC). 3-Xử lý ảnh (3 TC). 4-Thiết kế mạch điện tử y sinh (3 TC).

¹ Người học ***không phải học bổ sung*** kiến thức ngành của chương trình đại học.

² Người học ***phải học bổ sung*** kiến thức ngành của chương trình đại học ***trước khi xét tuyển***.